



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Unit 15 Lesson 3 · Unit 16 Lesson 1 (SGK tr. 67–68)



Tuần 32

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)



shirt



shoe



ten



grapes

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

teapot (ấm trà)

blanket (cái chăn)

blanket (cái chăn)

Bài 3: Match – nối hình với từ



shoes

tent

brother

sister

shirts

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. Where are the shoes?

2. Over there.

3. tent

4. blanket

a. Ở đằng kia.

b. cái lều

c. cái chăn

d. Đôi giày ở đâu?

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Where the shoes?

(A) are (B) is

2. Over there. nghĩa là gì?

(A) Ở đằng kia. (B) Cửa bạn đây. (C) Làm ơn.

3. teapot nghĩa là gì?

(A) cái lều (B) ấm trà (C) cái chăn

4. Từ nào kết thúc bằng chữ t?

(A) shoes (B) shorts (C) tent

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: shirts shoes

Chưa cần viết câu.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 32

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

 - shirts  - shoes  - tent  - grapes

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

tea**p**ot (ấm trà) blan**k**et (cái chăn) **b**lanket (cái chăn)

Bài 3: Match – nối hình với từ

 - shirts  - shoes  - tent  - brother  - sister

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 - d 2 - a 3 - b 4 - c

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **A** (are) 2. **A** (Ở đằng kia.) 3. **B** (ấm trà) 4. **C** (tent)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

shirts shoes

onthi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án



Ôn Thi · học như chơi, lớp 1-5